

Số: 919/KH-SGDĐT

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 5 năm 2020

KẾ HOẠCH
Tuyển sinh năm học 2020-2021

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở (THCS) và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT);

Căn cứ Văn bản hợp nhất 20/VBHN-BGDĐT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THPT chuyên; Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú (DTNT);

Căn cứ Công văn số 3736/UBND-GD ngày 07/5/2020 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt phương án tuyển sinh các lớp đầu cấp năm học 2020-2021.

Sở GD&ĐT ban hành Kế hoạch tuyển sinh năm học 2020-2021, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện tốt công tác huy động, tuyển sinh vào các trường mầm non, tiểu học, trung học trên cơ sở đảm bảo yêu cầu giáo dục toàn diện, phát triển năng lực cá nhân; giáo dục các em trở thành những người có lòng yêu nước có phẩm chất, năng lực, sức khỏe tốt đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển đất nước.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đạt mục tiêu phát hiện bồi dưỡng nhân tài, đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí gắn liền với đảm bảo công tác phổ cập giáo dục các cấp, bậc học và phân luồng giáo dục.

2. Yêu cầu

- Tổ chức tuyển sinh vào các lớp đầu cấp, bậc học năm học 2020-2021 theo đúng quy chế Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Đảm bảo quyền được học tập của học sinh, khách quan, công bằng, công khai, thuận lợi cho học sinh và cha mẹ học sinh.

- Đảm bảo quản lý chặt chẽ công tác tuyển sinh; mỗi cấp, bậc học đơn vị tuyển sinh phải có kế hoạch, phương án cụ thể.

II. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH

1. Huy động trẻ vào trường mầm non, tuyển sinh lớp 1

Các phòng GD&ĐT huyện, thị xã và thành phố Huế chỉ đạo các trường mầm non và tiểu học trực thuộc Phòng thực hiện các nội dung sau:

- Các trường mầm non huy động 100% trẻ 5 tuổi trên địa bàn đến trường, đảm bảo thực hiện tốt chương trình phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; có kế hoạch nâng cao tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi nhà trẻ, mẫu giáo từ 3-4 tuổi đến trường theo chỉ tiêu của tỉnh.

- Các trường tiểu học huy động 100% trẻ trong độ tuổi quy định trên địa bàn vào lớp 1; động viên cha mẹ đưa các cháu khuyết tật ra lớp học hòa nhập, chuyên biệt.

2. Tuyển sinh lớp 6

2.1. Tuyển sinh vào lớp 6 Trường THCS Nguyễn Tri Phương (Huế)

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: 360 (trong đó có 01 lớp dành cho học sinh học ngoại ngữ là Tiếng Pháp).

b) Đối tượng và địa bàn tuyển sinh:

- Đối tượng: Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học; trong độ tuổi quy định.
- Địa bàn: Tuyển sinh trên địa bàn toàn tỉnh.

c) Phương thức tuyển sinh: Kết hợp xét tuyển với kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh (trường hợp số học sinh đăng ký dự tuyển không vượt quá chỉ tiêu thì thực hiện xét tuyển).

d) Điều kiện dự tuyển: Học sinh đăng ký dự tuyển hội đủ các điều kiện sau đây:

- Không bị lưu ban trong các năm học ở cấp tiểu học;
- Từ lớp 1 đến lớp 5: Học sinh được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học, có điểm bài kiểm tra định kỳ cuối năm đối với các môn học đánh giá bằng điểm số từ 7 điểm trở lên (*các môn ngoại ngữ, tin học tính từ lớp 3 trở lên*), riêng tổng điểm bài kiểm tra định kỳ cuối năm của 2 (hai) môn Toán, Tiếng Việt lớp 5 đạt 19 điểm trở lên.

Những học sinh có hồ sơ học tiểu học ở nước ngoài, tham gia dự tuyển, tùy theo trường hợp cụ thể, Hội đồng tuyển sinh của trường xem xét trình Giám đốc Sở GD&ĐT quyết định.

e) Tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực

- Thời gian: Ngày 20/7/2020.
- Môn kiểm tra, đánh giá năng lực:
 - + Toán : 60 phút (tự luận).
 - + Tiếng Việt : 60 phút (tự luận).
 - + Ngoại ngữ (Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp): 45 phút (trắc nghiệm).

f) Xác định kết quả trúng tuyển:

- Học sinh được xác định trúng tuyển phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điểm d, Khoản 2.1, Mục 2, Phần II và kết quả kiểm tra đánh giá năng lực học sinh (tổng điểm của các môn: Toán, Tiếng Việt, Ngoại ngữ) tính từ cao xuống thấp cho đến chỉ tiêu giao.

- Đối với tuyển sinh vào lớp Tiếng Pháp, căn cứ vào mức tổng điểm của thí sinh đạt được và số lượng học sinh đăng ký dự tuyển, Sở GD&ĐT sẽ xem xét, xác định điểm chuẩn, quyết định số lượng tuyển tối đa là 01 lớp theo chỉ tiêu.

2.2. Tuyển sinh vào lớp 6 các trường THCS DTNT

Thực hiện theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông DTNT.

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

- Phòng GD&ĐT (Nam Đông, A Lưới) lập kế hoạch tuyển sinh trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt để thực hiện.

2.3. Tuyển sinh vào lớp 6 các trường khác

a) Chỉ tiêu tuyển sinh:

Phòng GD&ĐT căn cứ Quyết định số 338/QĐ-SGDĐT ngày 20/2/2020 của Sở GD&ĐT về việc giao một số chỉ tiêu cơ bản Kế hoạch phát triển sự nghiệp GD&ĐT năm học 2020-2021 để tham mưu UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo tuyển sinh cụ thể cho từng trường đảm bảo hợp lý, thuận tiện cho nhân dân và đảm bảo mục tiêu phổ cập giáo dục THCS.

b) Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh đã hoàn thành chương trình tiểu học; trong độ tuổi quy định (khoản 2 Điều 2 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT).

c) Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

3. Tuyển sinh lớp 10

3.1. Tuyển sinh vào lớp 10 Trường THPT chuyên Quốc Học

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: 420.

b) Địa bàn tuyển sinh: Đối tượng được đăng ký dự tuyển vào Trường THPT chuyên Quốc Học có hộ khẩu trong hoặc ngoài tỉnh.

c) Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp cấp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc chương trình giáo dục thường xuyên; trong độ tuổi quy định (khoản 2 Điều 2 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT).

d) Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển.

e) Điều kiện dự tuyển: Học sinh được tham gia dự tuyển vào Trường THPT chuyên Quốc Học khi có đủ các điều kiện sau:

- Thuộc địa bàn tuyển sinh;
- Kết quả xếp loại hạnh kiểm, học lực cả năm của tất cả các lớp cấp THCS từ loại khá trở lên;
- Kết quả xếp loại tốt nghiệp cấp THCS từ loại khá trở lên.

g) Đăng ký dự tuyển:

Mỗi thí sinh được đăng ký dự tuyển tối đa 02 môn chuyên. Cụ thể như sau:

- Học sinh chỉ đăng ký thi vào một môn chuyên thì gọi là môn chuyên 1.
- Học sinh đăng ký thi chuyên Toán (môn chuyên 1) được đăng ký thêm môn chuyên 2 là một trong các môn Vật lý, Hoá học, Sinh học, Tin học.
- Học sinh đăng ký thi chuyên Văn (môn chuyên 1) được đăng ký thêm môn chuyên 2 là một trong các môn: Lịch sử hoặc Địa lí.
- Học sinh đăng ký thi chuyên Tiếng Anh (môn chuyên 1) được đăng ký thêm môn chuyên 2 là một trong các môn: Tiếng Pháp hoặc Tiếng Nhật.

h) Hồ sơ dự tuyển:

- Hồ sơ dự tuyển vào Trường THPT chuyên Quốc Học do Sở GD&ĐT quy định.

- Những học sinh có hồ sơ học cấp THCS ở nước ngoài dự tuyển hoặc các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài, tùy theo trường hợp cụ thể, Hội đồng tuyển sinh xem xét trình Giám đốc Sở GD&ĐT quyết định.

i) Tổ chức tuyển sinh:

- Vòng 1: Tổ chức sơ tuyển đối với những học sinh có hồ sơ dự tuyển hợp lệ và đủ điều kiện dự tuyển tại điểm e khoản 3.1 Mục 3 Phần II của văn bản này; mức sơ tuyển cần đạt của các tiêu chí để chọn học sinh thi tuyển vào Vòng 2 (*Phụ lục 1*).

- Vòng 2: Tổ chức thi tuyển đối với những học sinh đã qua sơ tuyển ở Vòng 1.

+ Thời gian: Vào các ngày 18, 19, 20/7/2020.

+ Môn thi và đề thi:

Môn thi: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ và tối thiểu 01 môn chuyên. Nếu môn chuyên là Ngữ văn, Toán hoặc một trong các môn Ngoại ngữ thì mỗi môn này phải thi 2 bài: Một bài thi không chuyên và một bài thi chuyên với mức độ yêu cầu cao hơn;

Hình thức thi: Đề thi được áp dụng hình thức tự luận. Riêng môn Ngoại ngữ chuyên được áp dụng các hình thức phù hợp để đánh giá cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; môn Ngoại ngữ không chuyên áp dụng hình thức trắc nghiệm.

+ Thang điểm thi và hệ số điểm bài thi:

Điểm bài thi tính theo thang điểm 10, nếu chấm bài thi theo thang điểm khác thì kết quả điểm các bài thi phải quy đổi ra thang điểm 10;

Hệ số điểm bài thi: Điểm các bài thi không chuyên tính hệ số 1, điểm các bài thi môn chuyên tính hệ số 2.

+ Thời gian làm bài thi:

Các bài thi không chuyên: Môn Toán và môn Ngữ văn là 120 phút/môn; môn Ngoại ngữ là 60 phút;

Các bài thi chuyên: Môn Hóa học và môn Ngoại ngữ là 120 phút/môn, các môn khác là 150 phút/môn.

+ Điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển vào lớp chuyên là tổng số điểm các bài thi không chuyên, điểm bài thi môn chuyên tương ứng với lớp chuyên (đã tính hệ số);

+ Nguyên tắc xét tuyển: Chỉ xét tuyển đối với thí sinh được tham gia thi tuyển, đã thi đủ các bài thi quy định, không vi phạm Quy chế và các bài thi đều đạt điểm lớn hơn 2.

+ Cách xét tuyển: Xét các môn chuyên Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh trước, sau đó xét các môn chuyên còn lại. Căn cứ điểm xét tuyển vào lớp chuyên, xét từ cao xuống thấp để tuyển đủ chỉ tiêu được giao cho từng môn chuyên. Trường hợp xét đến chỉ tiêu cuối cùng có nhiều thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì tiếp tục xét chọn thí sinh theo thứ tự ưu tiên sau: Có điểm thi môn chuyên đăng ký dự thi cao hơn; có điểm sơ tuyển cao hơn; có điểm trung bình môn chuyên đăng ký dự thi năm học lớp 9 cao hơn; có điểm trung bình các môn học cuối năm học lớp 9 cao hơn...

- Duyệt danh sách trúng tuyển: Sở GD&ĐT.

k) Những điểm quy định đối với Kỳ thi tuyển sinh vào Trường THPT chuyên Quốc Học, năm học 2020-2021:

- Tổ chức chung với kỳ thi tuyển sinh vào các trường THPT công lập ở thành phố Huế.

- Môn Ngoại ngữ chuyên (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật, thời gian làm bài 120 phút/môn) sẽ được kiểm tra 04 kỹ năng nghe, nói, đọc viết.

- Thí sinh dự tuyển vào lớp chuyên Tin sẽ thi môn Toán (gọi là Toán-Tin) thay thế.

- Thí sinh không trúng tuyển vào Trường THPT chuyên Quốc Học, nếu đã nộp đơn dự tuyển vào các trường THPT công lập tại thành phố Huế theo phương thức kết hợp thi tuyển với xét tuyển thì được sử dụng kết quả của 3 môn thi Ngữ văn, Toán và Ngoại ngữ để xét tuyển theo nguyện vọng đã đăng ký.

3.2. Tuyển sinh vào lớp 10 Trường Phổ thông DTNT tỉnh

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: 100.

b) Địa bàn và đối tượng tuyển sinh:

- Tất cả thanh niên, thiếu niên là con em dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở các huyện A Lưới, Nam Đông, Phú Lộc, Phong Điền và thị xã Hương Trà;

- Trường Phổ thông DTNT được phép tuyển sinh không quá 5% trong tổng số chỉ tiêu được tuyển mới hằng năm là con em người dân tộc Kinh có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành.

- Đã tốt nghiệp cấp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên; trong độ tuổi quy định (khoản 2 Điều 2 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT).

c) Điều kiện dự tuyển: Tất cả học sinh thỏa mãn điểm b, khoản 3.2, Mục 3 phần II của văn bản này, có hạnh kiểm và học lực lớp cuối cấp xếp từ loại Khá trở lên.

d) Phương thức tuyển sinh: Kết hợp thi tuyển với xét tuyển.

e) Hồ sơ dự tuyển: Theo khoản 2 Điều 19 Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú; Phiếu dự tuyển.

g) Ngày thi: Ngày 18/7/2020.

h) Môn thi, thời gian làm bài thi:

- Môn thi: Ngữ văn và Toán theo hình thức tự luận;

- Thời gian làm bài: 120 phút/môn thi.

i) Điểm bài thi:

Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu trong đề thi, điểm bài thi cho theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10, điểm lẻ đến 0,25;

k) Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học của học sinh cấp THCS được tính như sau (*Phụ lục 2*).

l) Điểm xét tuyển là tổng điểm của:

- Tổng số điểm của hai bài thi đã nhân đôi;

- Điểm tính theo kết quả rèn luyện, học tập của 4 năm học ở cấp THCS (nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó) (*Phụ lục 2*);

- Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng điểm ưu tiên và điểm khuyến khích đối với học sinh thi nghề phổ thông (nếu có) (Phần III, văn bản này).

- Thí sinh trúng tuyển phải dự thi tất cả các môn thi theo quy định, không có bài thi nào bị điểm 0. Thí sinh không dự thi môn nào thì bài thi môn đó bị điểm 0.

m) Những điểm quy định đối với Kỳ thi tuyển sinh Trường Phổ thông DTNT tỉnh, năm học 2020-2021:

- Tổ chức chung với kỳ thi tuyển sinh vào các trường THPT công lập ở thành phố Huế.

- Một Điểm thi đặt tại huyện Nam Đông và một Điểm thi đặt tại huyện A Lưới;

- Thí sinh là con em dân tộc ở thị xã Hương Trà, huyện Phong Điền, Phú Lộc được đăng ký dự thi tại Điểm thi huyện Nam Đông, huyện A Lưới hoặc các Điểm thi tại thành phố Huế.

n) Tuyển thẳng vào trường phổ thông DTNT

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông DTNT ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15/01/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3.3. Tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT và trung tâm GDNN-GDTX

3.3.1. Tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT công lập trên địa bàn thành phố Huế

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: Thực hiện theo Quyết định số 338/QĐ-SGDĐT ngày 20/02/2020 của Sở GD&ĐT về việc giao một số chỉ tiêu cơ bản Kế hoạch phát triển sự nghiệp GD&ĐT năm học 2020-2021.

b) Địa bàn tuyển sinh: Tất cả học sinh đã và đang học cấp THCS (hoặc có hộ khẩu thường trú) trên địa bàn thành phố Huế và một số xã, phường của các huyện, thị xã tiếp giáp với thành phố Huế theo quy định của Sở GD&ĐT (*Phụ lục 3*).

c) Đối tượng tuyển sinh:

- Học sinh đã tốt nghiệp cấp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên; có độ tuổi theo quy định (khoản 2 Điều 2 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT).

- Học sinh tốt nghiệp THCS các năm học trước hoặc mới được xét công nhận tốt nghiệp THCS năm học 2019-2020 nếu còn đủ điều kiện về độ tuổi tuổi tham gia dự tuyển.

d) Phương thức tuyển sinh: Kết hợp thi tuyển với xét tuyển.

e) Hồ sơ tuyển sinh: Thực hiện theo Điều 6 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT; Phiếu dự tuyển.

g) Ngày thi: Vào các ngày 18, 19/7/2020.

h) Môn thi, thời gian làm bài thi:

- Môn Ngữ văn, môn Toán: 120 phút/môn thi, hình thức tự luận.

- Môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật): 60 phút, hình thức trắc nghiệm.

- Điểm bài thi: Điểm bài thi là tổng điểm thành phần của từng câu trong đề thi, điểm bài thi cho theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10, điểm lẻ đến 0,25;

i) Điểm xét tuyển là tổng điểm của:

- Tổng số điểm của hai bài thi Ngữ văn và Toán đã nhân đôi với điểm thi của bài thi Ngoại ngữ;
- Điểm tính theo kết quả rèn luyện, học tập của 4 năm học ở trung học cơ sở (nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó)(*Phụ lục 2*);
- Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng chế độ ưu tiên (Phần III, văn bản này).

Thí sinh trúng tuyển phải dự thi tất cả các môn thi, không có bài thi nào bị điểm 0, thí sinh không dự thi môn nào thì bài thi môn đó bị điểm 0.

Thí sinh được đăng ký 02 nguyện vọng dự tuyển. Căn cứ vào điểm xét tuyển, hội đồng xét tuyển sẽ xét từ nguyện vọng 1 đến nguyện vọng 2 cho các đơn vị tuyển sinh.

3.3.2. Tuyển sinh vào lớp 10 các trường THPT còn lại; các trung tâm GDNN-GDTX

a) Chỉ tiêu tuyển sinh: Thực hiện theo Quyết định số 338/QĐ-SGDĐT ngày 20/02/2020 của Sở GD&ĐT về việc giao một số chỉ tiêu cơ bản Kế hoạch phát triển sự nghiệp GD&ĐT năm học 2020-2021.

b) Địa bàn tuyển sinh:

Học sinh đã và đang học cấp THCS (hoặc có hộ khẩu thường trú) trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố nào thì đăng ký dự tuyển vào các trường, trung tâm trên địa bàn đó. Trường hợp học sinh thuộc các xã, phường, thị trấn của các huyện, thị xã, thành phố tiếp giáp với các huyện, thị xã, thành phố khác thì được đăng ký dự tuyển vào trường, trung tâm gần nhất theo quy định của Sở GD&ĐT (*Phụ lục 3*).

c) Đối tượng tuyển sinh:

- Học sinh đã tốt nghiệp THCS chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên; có độ tuổi theo quy định (khoản 2 Điều 2 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT).

- Học sinh tốt nghiệp THCS các năm học trước hoặc mới được xét công nhận tốt nghiệp THCS năm học 2019-2020 nếu còn đủ điều kiện về độ tuổi tuổi tham gia dự tuyển.

d) Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.

e) Hồ sơ tuyển sinh: Thực hiện theo Điều 6 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT; Phiếu dự tuyển.

g) Cách tính điểm theo kết quả rèn luyện và học tập hàng năm:

Dựa trên kết quả rèn luyện, học tập 4 năm học cấp trung học cơ sở của đối tượng tuyển sinh, nếu lưu ban lớp nào thì lấy kết quả năm học lại của lớp đó.

h) Điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển là tổng số điểm của:

- Điểm tính theo kết quả rèn luyện và học tập của 4 năm học cấp trung học cơ sở (*Phụ lục 2*);
- Điểm cộng thêm cho đối tượng được hưởng điểm ưu tiên (Phần III, văn bản này).
- Nếu bằng điểm nhau thì lấy tổng điểm trung bình cả năm học lớp 9 của tất cả các môn có tính điểm trung bình để xếp từ cao xuống thấp; nếu vẫn có trường

hợp bằng điểm nhau tiếp thì phân biệt bằng tổng điểm trung bình cả năm của môn Ngữ văn và môn Toán của năm học lớp 9.

3.3.3. Một số điểm cần lưu ý

- Tuyển sinh đối với các lớp học Tiếng Pháp, Tiếng Nhật:

Học sinh dự tuyển vào trường THPT, đăng ký học Tiếng Pháp, Tiếng Nhật (Ngoại ngữ 1) sẽ được xem xét ưu tiên để đảm bảo duy trì các lớp Ngoại ngữ đặc thù này ở trường THPT.

- Môn thi Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nhật):

Học sinh có quyền được lựa chọn môn thi ngoại ngữ là Tiếng Anh, Tiếng Pháp hoặc Tiếng Nhật (với điều kiện đã học đủ thời gian quy định của môn ngoại ngữ đó đối với cấp THCS).

- Học sinh dự tuyển vào trường có tuyển sinh lớp cùng môn ngoại ngữ đăng ký thì được xét theo nguyện vọng; trường hợp còn lại, xét tuyển sinh vào lớp có môn ngoại ngữ khác. Nếu trúng tuyển thì thí sinh đó phải học môn ngoại ngữ theo lớp được xét tuyển.

- Tuyển thẳng vào trung học phổ thông:

Thực hiện theo khoản 1 Điều 7 Quy chế tuyển sinh THCS và tuyển sinh THPT hiện hành.

Học sinh thuộc diện tuyển thẳng vào THPT ở các huyện, thị xã nộp hồ sơ vào các trường THPT theo địa bàn tuyển sinh; riêng tại thành phố Huế: học sinh khiếm thị nộp hồ sơ vào Trường THPT Hai Bà Trưng, học sinh có năng khiếu về văn hóa thể dục thể thao nộp hồ sơ vào Trường THPT Gia Hội, học sinh khuyết tật khác nộp hồ sơ vào Trường THPT Bùi Thị Xuân và Trường THPT Nguyễn Trường Tộ.

Trong trường hợp đặc biệt để đảm bảo thuận lợi cho học sinh khuyết tật, Giám đốc Sở GD&ĐT xem xét để điều chỉnh điểm trường học phù hợp.

Hồ sơ tuyển thẳng nộp tại các trường THPT theo quy định trên trong thời gian các trường thu nhận hồ sơ đăng ký tuyển sinh, các trường THPT chịu trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và chính xác hồ sơ đối với các trường hợp tuyển thẳng.

III. QUY ĐỊNH CỘNG ĐIỂM ƯU TIÊN, KHUYẾN KHÍCH

1. Cộng điểm ưu tiên

a) Cộng 3.0 điểm cho một trong các đối tượng:

- Con liệt sĩ;
- Con thương binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;
- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”.
- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945;

- Con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

b) Cộng 2,5 điểm cho một trong các đối tượng:

- Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

- Con thương binh mất sức lao động dưới 81%;

- Con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;

- Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

c) Cộng 2,0 điểm cho một trong các đối tượng:

- Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số;

- Người dân tộc thiểu số;

- Người học đang sinh sống, học tập ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Lưu ý: Trường hợp thí sinh có nhiều diện ưu tiên thì được cộng điểm ưu tiên cao nhất.

2. Cộng điểm khuyến khích đối với học sinh thi nghề phổ thông (chỉ áp dụng cho các trường phổ thông DTNT)

Học sinh được cấp chứng nhận nghề phổ thông trong kỳ thi do Sở GD&ĐT tổ chức ở cấp THCS:

- Loại Giỏi : cộng 1,5 điểm;

- Loại Khá : cộng 1,0 điểm;

- Loại Trung bình : cộng 0,5 điểm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch tuyển sinh năm học 2020-2021 theo phương án đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố để tổ chức tuyển sinh đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng quy định.

2. Phòng GD&ĐT, các trường trực thuộc Sở GD&ĐT và các trung tâm GDNN-GDTX

- Căn cứ các nội dung liên quan thuộc phạm vi quản lý của đơn vị tại Kế hoạch để cụ thể hóa thành kế hoạch của đơn vị và tổ chức thực hiện.

- Phổ biến cho học sinh nắm vững những vấn đề liên quan đến công tác tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2020-2021.

- Thực hiện đúng và đầy đủ quy trình tuyển sinh như: công tác nhập dữ liệu, kiểm tra hồ sơ thí sinh, xét duyệt tuyển sinh,...

- Theo chức năng và nhiệm vụ tham mưu/chỉ đạo và tổ chức công tác tuyển sinh theo đúng quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

3. Đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố

Phối hợp với Sở GD&ĐT chỉ đạo thực hiện Kế hoạch tuyển sinh trên địa bàn theo đúng Quy chế quy định.

Trên đây là Kế hoạch tuyển sinh năm học 2020-2021, các phòng GD&ĐT, đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT, trung tâm GDNN-GDTX nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các đơn vị báo cáo để Sở xem xét, giải quyết. Kết thúc tuyển sinh, báo cáo bằng văn bản số liệu tuyển sinh (qua Phòng Khảo thí-KĐCLGD) trước ngày 15/8/2020 để Sở tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- CT UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Văn Phương;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Giám đốc, các P. Giám đốc Sở GD&ĐT;
- Các phòng, ban Sở GD&ĐT;
- Các phòng GD&ĐT;
- Các trường THPT, THCS trực thuộc Sở;
- Các trung tâm GDNN-GDTX;
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, KTKĐCLGD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tân

Phụ lục I**QUY ĐỊNH ĐIỂM SƠ TUYỂN
VÀO TRƯỜNG THPT CHUYÊN QUỐC HỌC**

(Kèm theo Kế hoạch số 919/SGDDT-KTKĐCLGD ngày 18/5/2020
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

A/ CƠ CẤU ĐIỂM SƠ TUYỂN

I. Cộng điểm đạt giải các bộ môn văn hóa; giải quốc gia, khu vực, cấp tỉnh: Tối đa 40 điểm.

TT	Nội dung	Điểm cộng	Ghi chú
1.	Đạt giải các bộ môn văn hóa; quốc gia, khu vực		
1.1	Giải quốc gia, khu vực do Bộ tổ chức (MTCT, ViOlympic, IOE, OSE, UPU, Tin học trẻ, thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật); nhất cấp tỉnh	40	
1.2	Nhì cấp tỉnh các môn văn hóa	30	
1.3	Ba cấp tỉnh các môn văn hóa	20	
1.4	Khuyến khích cấp tỉnh các môn văn hóa	10	
1.5	Học sinh có chứng chỉ Tiếng Anh Quốc tế như TOEFL International; TOEFL Junior; IELTS; CAE; FCE; PET; KET hoặc tương đương đang còn hiệu lực.	20	
2	Giải cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực chuyên		
2.1	Nhất	20	
2.2	Nhì	15	
2.3	Ba	10	
2.4	Giải khuyến khích	05	

***Lưu ý:**

- Các giải liên quan đến lĩnh vực chuyên được cộng cho các môn như sau:

TT	Lĩnh vực	Môn được cộng điểm
1.	Máy tính cầm tay, ViOlympic	Toán
2.	IOE, OSE và các chứng chỉ Ngoại ngữ Quốc tế	Tiếng Anh
3.	Tin học trẻ không chuyên	Tin học
4.	Viết thư quốc tế UPU	Ngữ văn
5.	Cuộc thi khoa học, kỹ thuật học sinh trung học	Môn chuyên liên quan lĩnh vực dự thi

- Những học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp tỉnh do Sở GD&ĐT tổ chức chỉ được tính điểm khi đăng ký dự tuyển vào lớp chuyên tương ứng.

- Các giải liên quan đến lĩnh vực chuyên được tính điểm khi đăng ký dự tuyển vào lớp chuyên tương ứng.

- Trường hợp một học sinh đạt nhiều giải ở mục này thì chỉ lấy điểm của một giải cao nhất.

- Các giải nêu trên được tổ chức ở cấp THCS.

II. Cộng điểm xếp loại học lực 4 năm THCS: Tối đa 40 điểm.

TT	Nội dung	Điểm cộng	Ghi chú
1.	4 năm Giỏi	40	
2.	3 năm Giỏi (có năm lớp 9)	35	
3.	3 năm Giỏi (không có năm lớp 9)	30	
4.	2 năm Giỏi (có năm lớp 9)	25	
5.	2 năm Giỏi (không có năm lớp 9)	20	
6.	1 năm Giỏi (là năm lớp 9)	15	
7.	1 năm Giỏi (không phải năm lớp 9)	10	

III. Cộng điểm xếp loại tốt nghiệp THCS: Tối đa 20 điểm

TT	Nội dung	Điểm cộng	Ghi chú
1	Loại Giỏi	20	
2	Loại Khá	10	

B/ QUY ĐỊNH ĐIỂM SƠ TUYỂN

Điểm sơ tuyển Vòng 1 = Điểm mục I + điểm mục II + điểm mục III.

Những học sinh đạt điểm sơ tuyển Vòng 1 theo quy định sau đây sẽ được dự thi Vòng 2:

1. Đạt từ 30 điểm trở lên đối với thí sinh dự thi vào các lớp chuyên: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học và Tin học.

2. Đạt từ 25 điểm trở lên đối với thí sinh dự thi vào các lớp chuyên: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp và Tiếng Nhật.

Phụ lục II

**QUY ĐỊNH TÍNH ĐIỂM THEO KẾT QUẢ RÈN LUYỆN
VÀ HỌC TẬP CỦA 4 NĂM HỌC CẤP THCS**

*(Kèm theo Kế hoạch số 919/SGDDĐT-KTKĐCLGD ngày 18/5/2020
của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

1. Tuyển sinh vào lớp 10 trường PT DTNT Tỉnh, THPT công lập theo phương thức kết hợp thi tuyển với xét tuyển

TT	Kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học ở cấp THCS		Điểm quy đổi	Ghi chú
	Hạnh kiểm	Học lực		
1.	Tốt	Giỏi	5,0	
2.	Khá	Giỏi	4,5	
3.	Tốt	Khá		
4.	Khá	Khá	4	
5.	Trung bình	Giỏi	3,5	
6.	Tốt	Trung bình		
7.	Khá	Trung bình	3,0	
8.	Trung bình	Khá		
9.	Các trường hợp còn lại		2,5	

2. Tuyển sinh vào lớp 10 trường THPT theo phương thức xét tuyển

TT	Kết quả rèn luyện và học tập mỗi năm học ở cấp THCS		Điểm quy đổi	Ghi chú
	Hạnh kiểm	Học lực		
1.	Tốt	Giỏi	10,0	
2.	Khá	Giỏi	9,0	
3.	Tốt	Khá		
4.	Khá	Khá	8,0	
5.	Trung bình	Giỏi	7,0	
6.	Tốt	Trung bình		
7.	Khá	Trung bình	6,0	
8.	Trung bình	Khá		
9.	Các trường hợp còn lại		5,0	

***Lưu ý:** Nếu học sinh lưu ban lớp nào thì tính kết quả năm học lại của lớp đó.

Phụ lục III

**QUY ĐỊNH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐỐI VỚI HỌC SINH
THUỘC ĐỊA BÀN TIẾP GIÁP VỚI NHIỀU TRƯỜNG THPT**
(Kèm theo Kế hoạch số 919/SGDDT-KTKĐCLGD ngày 18/5/2020
của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Học sinh THCS thuộc xã/phường	Huyện/thị xã/thành phố	Trường THPT được đăng ký dự tuyển (ngoài địa bàn tuyển sinh)
1.	Quảng Thái	Quảng Điền	THPT Tam Giang; THPT Phong Điền
2.	Quảng Phú	Quảng Điền	THPT Nguyễn Đình Chiểu; THPT Hương Trà
3.	Quảng Thọ	Quảng Điền	THPT Đặng Huy Trứ
4.	Quảng Thành, Quảng An	Quảng Điền	THPT Hương Vinh
5.	Hải Dương	Hương Trà	THPT Tố Hữu
6.	Hương Phong	Hương Trà	THPT Hoá Châu
7.	Hương Sơ, An Hòa	Huế	THPT Đặng Huy Trứ; THPT Hương Vinh
8.	Phú Bình	Huế	THPT Hương Vinh
9.	Hương Hồ, Hương Thọ	Hương Trà	THPT Bình Điền; Các trường thuộc Tp. Huế
10.	Thủy Bằng	Hương Thủy	
11.	Thủy Vân, Thủy Thanh	Hương Thủy	THPT Phan Đăng Lưu
12.	Phường Thủy Lương, Phường Thủy Châu, Phường Phú Bài	Hương Thủy	THPT Nguyễn Sinh Cung
13.	Phú Hồ, Phú Xuân, Phú Lương	Phú Vang	THPT Hương Thủy
14.	Xuân Lộc	Phú Lộc	THPT Nam Đông
15.	Thôn Bến Ván (xã Lộc Bồn)	Phú Lộc	THPT Phú Bài; THPT Hương Thủy
16.	Hương Nguyên	A Lưới	THPT Bình Điền

Phụ lục IV**MÃ SỐ VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH VÀO LỚP 10
CỦA CÁC TRƯỜNG THPT NĂM HỌC 2020-2021**

*(Kèm theo Kế hoạch số 919/SGDDT-KTKĐCLGD ngày 18/5/2020
của Sở Giáo dục và Đào tạo)*

TT	Đơn vị	Mã số	Chỉ tiêu
1	Quốc Học	1	420
2	Nguyễn Huệ	2	588
3	Hai Bà Trưng	3	588
4	Gia Hội	4	462
5	Phan Đăng Lưu	5	616
6	Thuận An	6	528
7	Nguyễn Sinh Cung	7	400
8	Vinh Xuân	8	360
9	Tam Giang	9	280
10	Phong Điền	10	280
11	Nguyễn Đình Chiểu	11	400
12	Đặng Huy Trứ	12	520
13	Hương Vinh	13	360
14	Bình Điền	14	190
15	Nguyễn Chí Thanh	15	480
16	Hoá Châu	16	280
17	Hương Thủy	17	528
18	Phú Bài	18	484
19	An Lương Đông	19	520
20	Phú Lộc	20	320

TT	Đơn vị	Mã số	Chỉ tiêu
21	Vinh Lộc	21	360
22	Thừa Lưu	22	440
23	Nam Đông	23	295
24	A Lưới	24	306
25	Nguyễn Trường Tộ	25	400
26	Bùi Thị Xuân	26	484
27	Đặng Trần Côn	27	440
28	DTNT Tỉnh	29	100
29	Trần Văn Kỳ	30	316
30	Hương Lâm	32	136
31	Cao Thắng	33	420
32	Tổ Hữu	34	200
33	Hồng Vân	35	102
34	Hương Trà	37	280
35	Hà Trung	39	228
36	Chi Lăng	41	240
37	Thuận Hoá	42	120